**(58) RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ THƯỜNG XUYÊN 3**

**1. Tên học phần:** RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ THƯỜNG XUYÊN 3

**2. Mã học phần:** SKIL3

**3. Số tín chỉ:** 1 (1TH) **Học phần:** Bắt buộc

Lý thuyết: 8 tiết

Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra): 22 tiết

Tự học: 15 giờ

**4. Phân bố thời gian**

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 4

Số tiết/ tuần: 1 tiết

Tổng số tuần: 15 tuần

**5. Bộ môn/ Khoa phụ trách:** Khoa Công nghệ thông tin

**6. Điều kiện tiên quyết:** Mạng máy tính, Kiến trúc máy tính

**7. Mô tả học phần**

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 3 là học phần bắt buộc. Học phần được bố trí vào kỳ 4 của khóa học. Học phần gồm có 4 phần, hướng tới trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: kiến thức về cài đặt phần mềm máy tính, các kỹ năng cơ bản để sửa chữa máy tính, kiến thức về điều hành và quản trị mạng.

**8. Mục tiêu học phần**

Kết thúc học phần này, sinh viên đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

*8.1. Về kiến thức:*

**-** Biết về một số phần mềm ứng dụng của lĩnh vực Công nghệ thông tin.

**-** Biết và trình bày được cấu tạo của các bộ phận cơ bản của máy tính.

**-** Hiểu và trình bày được về một số hệ điều hành mạng, cách thức hoạt động của dịch vụ mạng trong Linux và Windows Server.

*-* Biết về những sản phẩm cơ bản thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin.

*8.2. Về kỹ năng:*

**-** Thực hiện được việc cài đặt và thiết lập cấu hình cho các phần mềm Tin học.

**-** Có thể xác định và sửa chữa được một số lỗi cơ bản của máy tính.

**-** Biết cách thiết kế và quản trị một hệ thống mạng Lan vừa và nhỏ.

*8.3. Về thái độ:*

- Có ý thức và trách nhiệm cao trong việc lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính.

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;

- Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham gia đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

10. Tài liệu tham khảo

[1]. Ngạc Văn An, Đặng Hùng, Nguyễn Đăng Lâm, Đỗ Trung Kiên, *Mạng máy tính*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2011.

[2] Nguyễn Đình Việt, *Kiến trúc máy tính*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội***,*** 2009.

[3]. Lê Tự Thanh, *Giáo trình Hệ điều hành Windows Server 2003*, NXB Thông tin và truyền thông, 2010.

11. Trang thiết bị dạy – học: Máy chiếu, phòng thực hành lắp ráp và cài đặt máy tính.

**12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào

đầu môi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.

- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai)

và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng

trong buổi kiếm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.

- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

**13. Thang điểm**

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ĐÁNH GIÁ | THANG  ĐIỂM 10 | XẾP  LOẠI | THANG ĐIỂM 4 | |
| Điểm chữ | Điểm số |
| Đạt | 8,5 -> 10 | Giỏi | A | 4 |
| 7,0 -> 8,4 | Khá | B | 3 |
| 5,5 -> 6,9 | Trung binh | C | 2 |
| 4,0 -> 5,4 | Trung bình yếu | D | 1 |
|  | 0 -> 3,9 | Kém | F | 0 |

**14. Nội dung học phần**

**Chương 1: CÀI ĐẶT HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS VÀ PHẦN MỀM ỨNG DỤNG**

*Tổng số: 8 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 6 tiết; Tự học: 4 giờ*

1.1. Cài đặt được hệ điều hành Windows

1.2. Thiết lập lại các ngầm định của hệ điều hành Windows

1.3. Cài đặt một số phần mềm ứng dụng phổ biến

**Chương 2: SỬA CHỮA MÁY TÍNH**

*Tổng số: 10 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 7 tiết; Tự học: 5 giờ*

2.1. Tìm hiểu cấu tạo, chức năng, vị trí của những thiết bị cơ bản của máy tính

2.2. Nhận biết lỗi của phần cứng máy tính

2.3. Phân chia vùng logic cho ổ cứng

2.4. Thực hành tháo lắp và thay thế các linh kiện máy tính

**Chương 3: HỆ ĐIỀU HÀNH MẠNG**

*Tổng số: 12 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 9 tiết; Tự học: 6 giờ*

3.1.Cài đặt hệ điều hành mạng Linux, Windows Server

3.2. Quản trị hệ điều hành mạng Windows Server 2003

3.2.1. Active Derectory

3.2.2. Quản trị tài khoản người dùng và nhóm

3.2.3. Quản lý đĩa và tập tin

3.2.4. Quản lý thư mục dùng chung

3.2.5. Quản lý dịch vụ mạng

3.3**.** Bấm dây mạng theo các chuẩn A và B

3.4.Thiết kế và cài đặt được mạng LAN

**15. Phương pháp đánh giá học phần**

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TP | Chuyên cần | | | | | | | | Định kỳ | | | | Thi | |
| Trọng số 10% | | | | | | | | 30% | | | | 60% | |
| TC | (1) | | (2) | | (3) | | (4) | | (5) | | (6) | | (7) | (8) |
| SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS |
|  | 1 | 1 |  |  | 1 | 2 | 1 | 2 |  |  | 2 | 1 | 1 | 1 |

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi thực hành.

**16. Phương pháp dạy và học:** Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.